

Họ và tên:

Đề 1

Lớp: 2A

Bài 1: a, Hoàn thành bảng sau:

Đọc số	Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết thành tổng các trăm, chục, đơn vị	Số liền sau
Bảy trăm chín mươi		7	9	0		
	935				$935 = 900 + 30 + 5$	
Ba trăm mười một		3	1	1		312

b, Viết các số ở câu a, theo thứ tự *từ bé đến lớn*.

Bài 2: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

(1). Các số 128, 281, 137, 172, 193 được viết theo thứ tự *từ lớn đến bé* là:

- A. 128, 137, 172, 193, 281
 B. 128, 137, 172, 281, 193
 C. 128, 137, 193, 172, 281
 D. 281, 193, 172, 137, 128

(2). Chữ số 3 trong số 534 có giá trị là :

- A. 3 B. 30 C. 34 D. 300

(3). Số gồm *5 trăm, 7 chục* là:

- A. 57 B. 570 C. 507 D. 750

(4). $102 + 17 < \square < 224$

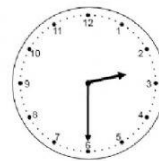
- A. 118 B. 214 C. 232 D. 1000

(5). Số liền trước của số lớn nhất có 3 chữ số là :

- A. 999 B. 989 C. 998 D. 1000

Bài 3: Đồng hồ đang chỉ:

- A. 3 giờ 6 phút B. 2 giờ 30 phút
 C. 3 giờ 30 phút D. 6 giờ 15 phút



Bài 4: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

a) Nếu thứ tư của tuần này là ngày 21 tháng 5 thì thứ tư tuần trước là ngày tháng

b) Nếu ngày 2 tháng 8 là thứ ba thì ngày 6 tháng 8 là ngày thứ

Bài 5: Đặt tính rồi tính :

$$434 + 19$$

$$63 + 325$$

$$879 - 356$$

$$362 - 125$$

Bài 6: Đường gấp khúc ABCD có AB = 3dm, BC = 13cm, CD = 9cm (như hình vẽ). Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.



Trả lời: Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

Bài 7: Trường Hòa Bình có 312 học sinh nữ trong tất cả 634 học sinh. Hỏi trường Hòa Bình có bao nhiêu học sinh nam?

Bài giải

Bài 8. Cho dãy số: 602, 604, 606, 608, 610

Hai số tiếp theo của dãy số trên là: và

Bài 9: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Từ 443 đến 831 có số tròn trăm.

Bài 10.

a, Viết số có ba chữ số mà chữ số đơn vị là 3, chữ số chục lớn hơn chữ số đơn vị là 2, chữ số trăm hơn chữ số chục là 4.

b, Anh có 15 viên bi đỏ và 10 viên bi đen. Anh cho em 5 viên bi. Hỏi anh còn bao nhiêu viên bi?

Đáp án: Anh còn viên bi.